

Bản án số: 01/2024/KDTM-PT.

Ngày: 11/01/2024.

Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Hoàng Thị Thu Hương;**

Các Thẩm phán: Bà **Nguyễn Thị Kim Hương;**

Ông **Vũ Thế Mạnh.**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc Mỹ** - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang:

Ông **Nguyễn Sơn Thành** - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 11 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2023/TLPT-KDTM ngày 21 tháng 11 năm 2023 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2023/KDTM-ST ngày 12 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:10/2023/QĐPT-KDTM ngày 21 tháng 12 năm 2023 giữa các đương sự:

* **Nguyên đơn:** Bà **Huỳnh Thị P**, sinh năm 1968 - Chủ **doanh nghiệp tư nhân P3** – *Có mặt;*

Địa chỉ: Số P đường C, khu đô thị P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn:

Luật sư **Phạm Anh V** thuộc Văn phòng Luật sư **Phạm Anh V** – Đoàn luật sư tỉnh K - *Có mặt;*

* **Bị đơn:** **Tổng Công ty cổ phần B1**

Địa chỉ: Số B T, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Vũ Anh T**, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền:

+ Bà Nguyễn Phương T1, sinh năm 1980- Trưởng Phòng bồi thường - Công ty B2 - Có mặt;

Địa chỉ: Số A đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

+ Bà Nguyễn Lê Nam P1, sinh năm 1997 - Chuyên viên pháp lý – Vắng mặt;

Địa chỉ: Số B đường T, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 0596/2022-BM/VP ngày 08/04/2022).

+ Ông Nguyễn Nhật H, sinh năm 1995 – Chuyên viên pháp lý - Có mặt;

Địa chỉ: Số B đường T, phường N, Quận A, thành phố Hồ Chí Minh.

(Theo giấy ủy quyền số 0040/2024-BM/VP ngày 08/01/2024).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

1. Ngân hàng TMCP C

Địa chỉ: Số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Thanh B, Chức vụ: Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Quách Thanh P2, chức vụ: Trưởng Phòng Tổng hợp Ngân hàng TMCP C chi nhánh K – Có mặt;

Địa chỉ: Số D đường C, phường V, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

(Theo văn bản ủy quyền số 178/UQ-HĐQT-NHCT-PCTT1 ngày 15/02/2023) .

2. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1968 – Có mặt;

Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Chỗ ở hiện nay: Số P đường C, khu đô thị P, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang.

Người kháng cáo: Tổng Công ty cổ phần B1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Huỳnh Thị P - Chủ P3 trình bày:**

Bà Huỳnh Thị P là chủ doanh nghiệp tư nhân P3, đồng thời là chủ tàu cá KG 91284 TS Giấy chứng nhận đăng ký tàu cá số 672/2017 của Chi cục thủy sản K1 cấp ngày 05/06/2017. Tàu cá KG 91284-TS của bà P có mua bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần B1 tại Công ty B2 (Địa chỉ số A đường N, phường A, thành phố R, tỉnh Kiên Giang) và đã được cấp bảo hiểm tàu cá theo Đơn cấp bảo hiểm tàu cá số MHS/018238815, Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu, thuyền cá số: 1140/20 ngày 21/02/2020, hiệu lực bảo hiểm từ 00h00 ngày 24/02/2020 đến

24h00 ngày 23/02/2021. Ngày 09/11/2020 khi tàu cá KG 91284-TS đang hoạt động khai thác, đánh bắt trên vùng biển Kiên Giang thì xảy ra sự cố tàu bị cháy và chìm. Lúc này trên tàu gồm có 16 người: Ông Lê Hoàng T3 - Thuyền trưởng, ông Lê Hoàng D và những người còn lại là thuyền viên không bằng cấp, chuyên môn.

Sau khi xảy ra sự cố thì ông Lê Hoàng T3 - Thuyền trưởng đã trình báo với Đoàn biên phòng T6, huyện A, tỉnh Kiên Giang và được Đoàn biên phòng T6 lập bản tiếp nhận tin báo.

Ngày 17/11/2020, bà P đã làm đơn yêu cầu Tổng công ty cổ phần B1 bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm đã mua của tàu cá KG 91284 -TS và nộp đầy đủ các thủ tục, xuất trình đầy đủ giấy tờ theo quy định để được thanh toán bảo hiểm. Đến ngày 04/02/2021, bà P nhận được văn bản từ chối bồi thường của Tổng công ty cổ phần B1 số 0217/2021-BH/HH. Bà P cho rằng việc từ chối bồi thường bảo hiểm của Tổng công ty cổ phần B1 ảnh hưởng quyền lợi của bà nên làm đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc Tổng công ty cổ phần B1 và Công ty B2 có trách nhiệm bồi thường bảo hiểm tàu cá KG 91284-TS số tiền là 1.000.000.000 đồng theo hợp đồng bảo hiểm và đồng ý khấu trừ 2,5% số tiền bảo hiểm theo thoả thuận theo quy định pháp luật.

*** Đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày:**

Ngày 07/04/2020, Công ty B2 chấp nhận Đơn bảo hiểm số MSH/01838815 cho bà Huỳnh Thị P – Chủ P3, đối tượng bảo hiểm là Tàu cá KG 91284-TS, có công suất 1702CV người thụ hưởng bà Huỳnh Thị P, mức trách nhiệm bảo hiểm 1.000.000.000 đồng. Điều kiện bảo hiểm, điều kiện B theo Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá (ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/HH ngày 01/01/2017). Thời hạn bảo hiểm, ngày 07/04/2020 đến ngày 06/04/2021. Vào khoảng 16 giờ ngày 09/11/2020, tàu cá KG 91284 -TS đang trong quá trình đánh bắt thủy sản thì bị xảy ra sự cố cháy và chìm tàu. Đến ngày 10/11/2020, Tổng Công ty cổ phần B2 đã chỉ định Công ty TNHH G thực hiện việc giám định để xác định nguyên nhân và định giá mức độ thiệt hại để làm cơ sở giải quyết bồi thường. Theo đó, nguyên nhân tổn thất là do “*Từ các yếu tố như đã nêu ở trên, giám định viên cho rằng nguyên nhân dẫn đến sự cố tổn thất cháy tàu cá KG 91284- TS xảy ra vào khoảng 16 giờ 00 phút ngày 09/11/2020 tại khu vực biển có tọa độ (07^o39’720”-104^o13’150”)* là do chập điện bên trong buồng máy tàu cá KG 91284 -TS, gây ra các tổn thất cháy tàu KG 91284 TS và sau đó bị chìm” Tổng Công ty cổ phần B1 đã có Công văn số 0217/2021-BM/HH ngày 04/02/2021 thông báo từ chối bồi thường sự cố liên quan đến tàu cá KG 91284 -TS của bà P.

Tổng Công ty cổ phần B1 từ chối bồi thường với các lý do như sau: Tổn thất tàu cá KG 91284 TS tại thời điểm xảy ra tổn thất tàu KG 91284 TS vi phạm về văn bằng chứng chỉ thiếu 01 người có bằng thợ máy theo quy định Thông tư

22/2018/TTBNNPTNT ngày 15/11/2018 đồng thời tại tờ cam kết ngày 03/03/2020 bên mua bảo hiểm bà P ký cam kết có đầy đủ người và bằng cấp, chứng chỉ chuyên môn theo quy định.

Tổng Công ty cổ phần B1 đề nghị Tòa án giải quyết không chấp nhận toàn bộ khởi kiện của nguyên đơn nhằm bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của **Bảo M** - Doanh nghiệp bảo hiểm có phần vốn góp của nhà nước.

Ngoài ra, đại diện bị đơn xác định thời hạn bảo hiểm được tính theo đơn yêu cầu bảo hiểm từ ngày từ ngày 07/04/2020 - 06/04/2021 (bao gồm cả 02 ngày này) nhưng theo giấy chứng nhận bảo hiểm cấp cho **P3** thời hạn được bảo hiểm là 00h00 phút ngày 24/02/2020 đến 24h00 phút ngày 23/02/2021 là do sơ xuất dẫn đến sai sót, tuy nhiên việc xảy ra rủi ro vẫn nằm trong khoảng thời gian cả đơn đề nghị bảo hiểm và chứng nhận bảo hiểm.

* **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - ông Nguyễn Văn T2 trình bày:** Ông **T2** thống nhất ý kiến theo đơn khởi kiện của bà **P**.

* **Đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan - Ngân hàng TMCP C trình bày:**

Ngày 16/06/2010, **Ngân hàng TMCP C chi nhánh K** có ký kết hợp đồng thế chấp với bà **Huỳnh Thị P** và ông **Nguyễn Văn T2**, tài sản thế chấp là tàu cá KG 91284 TS, theo Hợp thế chấp tài sản số 10260055/HĐTC để đảm bảo nghĩa vụ cho khoản vay vốn tại ngân hàng. Tàu cá KG 91284 TS được nhận thế chấp tại ngân hàng có tham gia bảo hiểm tàu cá là 1.000.000.00 đồng (một tỷ đồng) và bà **P** có ủy nhiệm thừa hưởng bảo hiểm cho **Ngân hàng TMCP C chi nhánh K** khi xảy ra rủi ro tổn thất. Nhằm đảm bảo quyền lợi của **Ngân hàng TMCP C chi nhánh K**, nếu bà **P** được bảo hiểm chi trả bồi thường thì yêu cầu Tòa án giải quyết để **Ngân hàng TMCP C chi nhánh K** được thụ hưởng số tiền mà **Tổng Công ty cổ phần B1** trả cho bà **Huỳnh Thị P** tương ứng với số tiền mà bà **P** còn nợ Ngân hàng tại thời điểm thanh toán nợ.

* **Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số: 08/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2023 của Tòa án nhân dân thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị P** - Chủ doanh nghiệp tư nhân **P3** về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” với bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B1**.

Buộc **Tổng Công ty cổ phần B1** phải chi trả cho bà **Huỳnh Thị P** - Chủ doanh nghiệp tư nhân **P3** số tiền bảo hiểm đối với tàu cá KG-91284 TS là 975.000.000 đồng vào Số tài khoản : 115000064007; Tên tài khoản: **P3**; Tại **Ngân hàng TMCP C – chi nhánh K**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi theo

mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

*** Ngày 14/9/2023, bị đơn Tổng Công ty cổ phần B1 kháng cáo với nội dung:**

Tòa sơ thẩm chưa xem xét đầy đủ các tình tiết, chứng cứ dẫn tới nhận định không phù hợp khi chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc buộc Bảo M phải bồi thường bảo hiểm.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện.

Luật sư Phạm Anh V có ý kiến: Tổng Công ty cổ phần B1 không đồng ý bồi thường bảo hiểm cho bà Huỳnh Thị P – Chủ P3 dựa trên điều khoản loại trừ bảo hiểm quy định tại Điều 5.1.6.2 của Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá do Bảo M soạn thảo Ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/HH ngày 01/01/2017 của Tổng Giám đốc Tổng công ty cổ phần B1, nhưng tại điểm này quy định “*Thuyền trường hoặc máy trường không có bằng cấp phù hợp theo quy định của pháp luật*” chứ không quy định về bằng cấp chứng chỉ của thợ máy. Nên việc Bảo M cho rằng tàu cá KG 91284 -TS tại thời điểm xảy ra tai nạn vi phạm về văn bằng chứng chỉ thiếu 01 người có bằng thợ máy theo quy định Thông tư 22/2018/TTBNNPTNT ngày 15/11/2018 và căn cứ vào điều này không bồi thường tổn thất cho doanh nghiệp của bà P là không có căn cứ, không đúng quy định pháp luật, gây ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của doanh nghiệp. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

- Đại diện hợp pháp của bị đơn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, bị đơn xác định khi tai nạn xảy ra nguyên đơn không đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bằng chứng chỉ của thợ máy thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm của Bảo M nên không đồng ý bồi thường. Đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Đại diện hợp pháp của Ngân hàng TMCP C có ý kiến: Giữa Ngân hàng TMCP C và bà Huỳnh Thị P thoả thuận nếu bà P được Tổng Công ty cổ phần B1 chi trả bồi thường bảo hiểm đối với tàu cá KG 91284-TS, bà P đồng ý để Tổng Công ty cổ phần B1 chuyển toàn bộ số tiền bồi thường vào tài khoản 115000064007 của P3 mở tại Ngân hàng TMCP C chi nhánh K để Ngân hàng thực hiện thu nợ theo Hợp đồng tín dụng đã ký kết.

- Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án:

+ Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và việc chấp hành pháp luật của các đương sự từ khi thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ đến khi đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về hướng giải quyết vụ án: **Tổng Công ty B1** chưa thực hiện đúng nghĩa vụ của **doanh nghiệp B3**, không có chứng cứ chứng minh việc giải thích điều kiện, điều khoản hợp đồng cho bên tham gia bảo hiểm. Do đó không có cơ sở để áp dụng về loại trừ trách nhiệm bảo hiểm đối với bà **Huỳnh Thị P**, nên **Tổng Công ty B1** phải có nghĩa vụ chi trả tiền bảo hiểm cho bà **P** là phù hợp quy định tại Điều 16, 17, 19 Luật kinh doanh bảo hiểm 2019. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 – Bộ luật tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2013 của TAND thành phố Rạch Giá.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn - bà **Nguyễn Lê Nam P1** đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296- Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Xét nội dung kháng cáo của bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B1** (sau đây ghi tắt là Bảo Minh), đối chiếu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ kết hợp lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa, nhận thấy:

Nguyên đơn – Chủ **P3** bà **Huỳnh Thị P** và bị đơn - **Tổng Công ty cổ phần B4**: Giữa Tổng cổ phần **Công ty B2** và bà **Huỳnh Thị P** đã ký kết hợp đồng bảo hiểm tàu cá, thủ tục ký kết hợp đồng được thực hiện tại **Công ty B2**. Theo đó, **Bảo M** đã cấp bảo hiểm tàu cá theo Đơn cấp bảo hiểm tàu cá số MHS/018238815, Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu, thuyền cá số: 1140/20 ngày 21/02/2020. Đối tượng bảo hiểm là **T4** tàu, máy móc và trách nhiệm dân sự, bảo hiểm thuyền viên của Tàu cá KG 91284 TS, có công suất 1702CV; người thụ hưởng bà **Huỳnh Thị P**, mức trách nhiệm bảo hiểm 1.000.000.000 đồng; Đối tượng bảo hiểm thân tàu cá điều kiện B theo Quy tắc bảo hiểm thân tàu cá (ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/HH ngày 01/01/2017) của Tổng Giám đốc **Tổng Công ty cổ phần B1**. Thời hạn bảo hiểm theo giấy chứng nhận bảo hiểm từ 00h00 ngày 24/02/2020 đến 24h00 ngày 23/02/2021. Bà **Huỳnh Thị P** đã nộp đủ phí bảo hiểm theo thỏa thuận hợp đồng là 21.005.400 đồng. Tại thời điểm xảy ra sự kiện bảo hiểm Giấy chứng nhận bảo hiểm vẫn còn trong thời hạn, thủ tục giám định được thực hiện bởi **Công ty TNHH G** do **Bảo M** trưng cầu.

Khi xảy ra sự kiện bảo hiểm, bà **Huỳnh Thị P** đã nộp đầy đủ các thủ tục hồ sơ theo quy định yêu cầu của **Bảo M** về bồi thường tổn thất.

Theo nguyên đơn - bà **P** xác định: Khi tham gia bảo hiểm tại **B** bà chỉ được cấp giấy chứng nhận bảo hiểm, nhân viên bảo hiểm cũng không giải thích, hướng dẫn gì về các điều khoản bảo hiểm, điều khoản loại trừ bảo hiểm; bà cũng không được nhận, được biết về quy tắc bảo hiểm của **Bảo M**.

Đối chiếu biên bản ghi lời khai ngày 14/12/2022 của ông **Giang Tiến D1** - tư vấn viên bảo hiểm của **Bảo M** khai: Có yêu cầu bà **P** cung cấp Giấy chứng nhận tàu cá; Giấy khai thác; Biên bản kiểm tra kỹ thuật; Hình ảnh tàu (nhằm mục đích để thẩm định tàu cá). Có tư vấn về quyền lợi bảo hiểm nếu xảy ra rủi ro thì người mua bảo hiểm có đầy đủ giấy tờ chứng chỉ, bằng cấp hợp lệ còn hiệu lực theo yêu cầu thì bảo hiểm mới bồi thường; chứ không tư vấn và không yêu cầu bà **P** cung cấp đối với tàu cá KG-91284TS phải có thợ máy và bằng thợ máy thì mới đầy đủ và hợp lệ khi mua bảo hiểm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, đại diện hợp pháp của bị đơn xác định: Nhân viên của **Bảo M** khi tư vấn bán sản phẩm của **Bảo M** cũng tư vấn các quy định chung theo quy định pháp luật, không buộc phải tư vấn cụ thể cho khách hàng về việc khi tham gia bảo hiểm tàu cá phải có văn bằng chứng chỉ của thợ máy mới đủ điều kiện được bồi thường, việc tuân thủ các quy định chung là do khách hàng phải tự tìm hiểu để biết thực hiện đúng quy định. Đối với trường hợp của bà **P**, khi bà **P** tham gia bảo hiểm đã được tư vấn rõ ràng, được cấp Đơn bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm tàu, thuyền cá trong đó đã ghi rõ quyền lợi, nghĩa vụ và trường hợp bị loại trừ trách nhiệm bồi thường của **Bảo M**, bà **P** cũng đã ký cam kết ngày 03/03/2020 đảm bảo tàu cá của bà tuân thủ đầy đủ các điều kiện về bằng cấp theo quy định. Công ty chỉ bán sản phẩm và ký hợp đồng khi khách hàng đảm bảo tuân thủ đầy đủ các thủ tục theo quy định pháp luật.

Tuy nhiên, **Bảo M** không cung cấp được bản gốc của **T5** cam kết đề ngày 03/03/2020 thể hiện nội dung bà **P** cam kết như lời trình bày của đại diện bị đơn; **Bảo Minh** chỉ cung cấp bản pho to Thư cam kết tên và chữ ký **Huỳnh Thị P** đề ngày 03/03/2020. Về phía bà **Huỳnh Thị P** xác định: Không lập và ký Thư cam kết như nội dung đại diện **Bảo M** trình bày, bà **P** có yêu cầu giám định chữ ký của bà trong **T5** cam kết nhưng không thực hiện được do **Bảo M** không cung cấp được bản gốc **T5** cam kết.

Mặc khác, trong Điều khoản bảo hiểm thân tàu cá Ban hành kèm theo Quyết định số 0001/2017-BM/HH ngày 01/01/2017 của Tổng giám đốc **Tông công ty cổ phần B1** quy định về những trường hợp Loại trừ bảo hiểm do vi phạm các quy định của pháp luật về đảm bảo an toàn cho con người và tàu cá hoạt động thủy sản có nêu tại mục 5.1.6.2 “*Thuyền trưởng hoặc máy trưởng không có bằng cấp phù hợp theo quy định của pháp luật*”; ngoài ra không có quy định nội dung loại trừ bảo hiểm do vi phạm về văn bằng chứng chỉ của thợ

máy; trong trường hợp cụ thể này theo ý kiến của **Bảo M** là “Vi phạm về văn bằng chứng chỉ thiếu 01 người có bằng thợ máy theo quy định”.

Từ những phân tích nêu trên cho thấy, **Bảo M** chưa thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của doanh nghiệp bảo hiểm đối với bên mua bảo hiểm theo quy định tại khoản 2 Điều 16, điểm a khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm 2019 trong việc giải thích về điều khoản loại trừ trách nhiệm bảo hiểm, các điều kiện, điều khoản bảo hiểm, đồng thời còn cho rằng bà **P** đã vi phạm trách nhiệm của chủ tàu về bảo đảm an toàn cho người và phương tiện hoạt động thủy sản, tàu cá vi phạm về văn bằng thiếu 01 người có không bằng thợ máy thuộc trường hợp loại trừ bảo hiểm để từ chối bồi thường khi có sự kiện bảo hiểm xảy ra là không phù hợp quy định pháp luật. Bản án sơ thẩm tuyên buộc trách nhiệm bồi thường của **Bảo M** đối với Chủ **doanh nghiệp tư nhân P3** là có cơ sở.

Tổng Công ty cổ phần B1 kháng cáo không đồng ý bồi thường cho nguyên đơn **Huỳnh Thị P** – chủ **P3** nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh cho yêu cầu kháng cáo của mình nên cấp phúc thẩm không có căn cứ để xem xét.

Do đó, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang và ý kiến của Luật sư bảo vệ quyền lợi hợp pháp cho nguyên đơn, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2013 của TAND thành phố Rạch Giá.

[3]. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

+ Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định pháp luật trên số tiền phải trả 975.000.000 đồng là: $[36.000.000 \text{ đồng} + (175.000.000 \text{ đồng} \times 3\%)] = 41.250.000 \text{ đồng}$.

+ Bà **Huỳnh Thị P** – Chủ **P3** được hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 21.000.000 đồng theo Biên lai số 0002129 ngày 11/3/2022 (do **Nguyễn Văn T2** nộp thay) của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Do yêu cầu kháng cáo của **Tổng Công ty cổ phần B1** không được chấp nhận nên phải chịu 2.000.000 đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 2.000.000 đồng theo Biên lai số 0002727 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 - Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, Điều 16, Điều 17, Điều 19, Điều 21, Điều 29 và Điều 48 Luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ Điều 147, Điều 148 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B1**.

Giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 08/2023/KDTM-ST ngày 12/9/2023 của TAND thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà **Huỳnh Thị P** - Chủ doanh nghiệp tư nhân **P3** về việc “Tranh chấp hợp đồng bảo hiểm” với bị đơn **Tổng Công ty cổ phần B1**.

2. Buộc **Tổng Công ty cổ phần B1** phải chi trả cho bà **Huỳnh Thị P** - Chủ doanh nghiệp tư nhân **P3** số tiền bảo hiểm đối với tàu cá KG-91284 TS là 975.000.000 đồng (*Chín trăm bảy mươi lăm triệu*) đồng vào tài khoản: Số tài khoản: 115000064007; Tên tài khoản: **P3**; Tại: **Ngân hàng TMCP C – chi nhánh K**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án nếu người phải thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thì còn phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Về án phí:

- Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Tổng Công ty cổ phần B1 phải chịu án phí sơ thẩm là 41.250.000 (*Bốn mươi một triệu hai trăm năm mươi nghìn*) đồng.

Hoàn trả cho bà **Huỳnh Thị P** – Chủ **doanh nghiệp tư nhân P3** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.000.000 (*Hai mươi một triệu*) đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002129 ngày 11/03/2022 của **Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá**, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí kinh doanh thương mại phúc thẩm:

Tổng Công ty cổ phần B1 phải chịu 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng tiền án phí phúc thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp 2.000.000 (*Hai triệu*) đồng theo Biên lai số 0002727 ngày 04/10/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Rạch Giá.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND TP. Rạch Giá;
- Chi cục THADS TP. Rạch Giá;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

Hoàng Thị Thu Hương